

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2019/DS-PT

Ngày 27-8-2019

*“V/v yêu cầu tuyên bố văn bản
công chứng vô hiệu; hủy hợp
đồng tặng cho QSDĐ và giấy
chứng nhận QSDĐ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quán

Các Thẩm phán:

1. Ông Lương Minh Trí

2. Ông Trần Văn Khánh

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Long An

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019 về “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 05/6/2019 của Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Hữu T1, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 189 ấp Ng, xã PH, huyện CG, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Phòng Công chứng số 2, tỉnh Long An. (Nay là Văn phòng Công chứng LVD)

Địa chỉ trụ sở: Số nhà 27 – 28, Lô A, Quốc lộ 50, Khu dân cư TM, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Đ – Trưởng văn phòng công chứng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đặng Văn M1, sinh năm 1934;

Người đại diện theo ủy quyền của ông M1: Bà Bà Đặng Thị Mỹ D1, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: Ấp Ngoài, xã PH, huyện CG, tỉnh Long An. (Giấy ủy quyền ngày 24-5-2018).

3.2. Bà Đặng Thị Thu T2, sinh năm 1978;

3.3. Ông Nguyễn Viết T3, sinh năm 1978;

3.4. Ông Đặng Hữu D2, sinh năm 1971;

3.5. Bà Dương Ngọc H1, sinh năm 1974;

3.6. Bà Đặng Thị Thanh T4, sinh năm 1974;

3.7. Bà Đặng Thị Thu L1, sinh năm 1960;

3.8. Bà Đặng Thị Mỹ D1, sinh năm 1965;

3.9. Ông Biện Hữu D3, sinh năm 1968;

3.10. Bà Đặng Thị Thu M2, sinh năm 1962;

3.11. Ông Đặng Hữu H2, sinh năm 1968;

3.12. Bà Mai Thị H3, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Ấp Ngoài, xã PH, huyện CG, tỉnh Long An.

3.13. Bà Đặng Thị Thu T5, sinh năm 1958;

3.14. Ông Huỳnh Văn X1, sinh năm 1950;

Cùng địa chỉ: Số nhà 393, đường LQS, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.15. Bà Đặng Thị Thu L2, sinh năm 1955;

3.16. Ông Chung Văn K1, sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: Số nhà 151/17 đường NK, Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.17. Ủy ban nhân dân huyện CG, tỉnh Long An.

Địa chỉ trụ sở: Số 38 đường NTB, Khu phố 4, thị trấn CG, huyện CG.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn Th1 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th1: Ông Võ Văn Th2 - Phó phòng Tài nguyên Môi trường huyện CG. (Giấy ủy quyền số 1065/UBND-TNMT ngày 05-7-2018)

3.18. Văn phòng công chứng CG (Nay là Văn phòng công chứng NTBT)

Địa chỉ trụ sở: Số 16 đường NTB, ấp HT 1, xã TB, huyện CG, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D4 - Trưởng văn phòng công chứng.

3.20. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An

Địa chỉ trụ sở: số 137 đường Quốc lộ 1A, Phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Hoài V – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện CG;

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đặng Hữu T1.

(Ông T1 có mặt, những người khác xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/4/2018 và ngày 10/7/2018 cùng lời khai của nguyên đơn ông Đặng Hữu T1 trong quá trình tố tụng:

Ông Đặng Văn M1 (sinh năm 1934) và bà Nguyễn Thị Sương (sinh năm 1934, chết vào ngày 26/02/2010) có 10 người con gồm: Đặng Thị Thu L2, Đặng Thị Thu T5, Đặng Thị Thu L1, Đặng Thị Thu M2, Đặng Thị Mỹ D1, Đặng Hữu H2, Đặng Hữu D2, Đặng Thị Thanh T4, Đặng Thị Thu T2, Đặng Hữu T1.

Khi còn sống, bà Sương có lập di chúc là “Giấy cho con được thừa kế ruộng đất ngày 17-8-2009”, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã PH nhưng ông M1 và các anh chị không cho ông T1 biết. Khi bà Sương mất, ông M1 và mười người con đến Phòng Công chứng số 2, tỉnh Long An để ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 09 tháng 10 năm 2010, số công chứng 13013, Quyền số 14TP/CC-SCC/TK. Ông T1 có tự nguyện ký tên trong văn bản nhưng không có đọc lại nội dung, kêu đến ký để nhận tài sản nên ông T1 ký. Thực hiện theo văn bản thỏa thuận, đến khoảng tháng 11 năm 2010, khi địa chính làm thủ tục đo đất để được cấp giấy, do không đúng với di chúc nên có người không đồng ý, bà D1 mới đưa ra “Giấy cho con được thừa kế ruộng đất”, lúc này ông T1 mới biết. Theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 09/10/2010, những người thừa kế của bà Sương (trong đó có ông T1) đã được Ủy ban nhân dân huyện CG cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Long An tại huyện CG đã cung cấp cho Tòa án.

Nay ông T1 yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 09-10-2010 được Phòng công chứng số 2 tỉnh Long An (nay là Văn phòng công chứng Lê Văn Đá) công chứng. Lý do: Văn bản thỏa thuận phân chia di sản không thể hiện đúng ý kiến của bà Nguyễn Thị Sương theo “Giấy cho con được thừa kế ruộng đất ngày 17-8-2009”. Trường hợp đã có di chúc thì không được thỏa thuận phân chia di sản, nội dung văn bản phân chia di sản ghi là thừa kế

theo pháp luật là không đúng. Đồng thời, ông T1 yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện CG đã cấp cho ông M1, bà M2, ông H2, ông D2, bà T4, bà T2, bà T5, bà L1, bà D1, bà L2 được cấp từ Văn bản phân chia di sản ngày 09/10/2010, giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T1.

Sau khi ông M1 được cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất 1091, 1093, 1094, 1096 từ Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 09/10/2010, vào ngày 09/4/2016, ông M1 đã tặng cho quyền sử dụng đất cho bà T2, ông D2, bà T4, bà T5, bà L1, bà D1, bà M2, ông H2, bà L2 cùng sử dụng các thửa đất 1091, 1093, 1094, 1096, cùng thuộc tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã PH huyện CG, tỉnh Long An. Do đó, ông T1 yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09/4/2016 do Văn phòng công chứng huyện CG (nay là Văn phòng công chứng NTBT) công chứng và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà T2, ông D2, bà T4, bà T5, bà L1, bà D1, bà M2, ông H2, bà L2 cùng sử dụng các thửa đất 1091, 1093, 1094, 1096 với lý do ông M1 bị ép buộc khi ký hợp đồng tặng cho.

Ngoài ra, ông T1 bổ sung yêu cầu khởi kiện: Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Đặng Văn M1 cho ông Đặng Hữu H2 đối với quyền sử dụng thửa đất 1095, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại xã PH, huyện CG và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất 1095 cấp cho ông Đặng Hữu H2 từ hợp đồng tặng cho.

Bị đơn Văn phòng công chứng Lê Văn Đá có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ông T1 như sau:

Xét thấy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế chứng nhận ngày 09/10/2010, số công chứng 13013, quyền số 14TP/CC-SCC/TK được công chứng viên Phòng công chứng số 02 tiếp nhận và chứng nhận theo đúng trình tự, thủ tục Luật Công chứng năm 2006 quy định. Công chứng viên thụ lý đã kiểm tra tính hợp lệ, các giấy tờ như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giấy chứng từ, giấy tờ tùy thân và giấy tờ khác có liên quan. Những người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Sương hoàn toàn tự nguyện, cam đoan hoàn toàn đúng sự thật, không khai man, không dấu thừa kế, không trốn tránh bất kì nghĩa vụ nào về tài sản, đã đọc, đồng ý và ký tên vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế trước sự chứng kiến của công chứng viên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An có ý kiến về việc cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09/4/2016, số công chứng 5941, Quyền số 6TP/CC-SCCHĐGD của Văn phòng Công chứng CG như sau:

Xét thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định của Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện CG, tỉnh Long An đã thụ lý, giải quyết hồ sơ và trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người được nhận đất theo Hợp đồng tặng cho. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người được nhận đất theo Hợp đồng tặng cho là đúng theo quy định của Luật Đất đai. Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đã ủy quyền cho ông Hồ Hoài Vũ – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện CG tham gia tố tụng và được toàn quyền quyết định các vấn đề.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng NTBT có ý kiến về việc chứng nhận Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất số 5941 Quyển số 6TP/CC-SCCHĐGD ngày 09/4/2016 như sau:

Việc công chứng được thực hiện đúng quy trình, hồ sơ đầy đủ theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn M1 do bà Đặng Thị Mỹ D1 đại diện và ý kiến của bà như sau:

Cha bà là ông Đặng Văn M1 (sinh năm 1934) hiện còn sống, mẹ bà là bà Nguyễn Thị Sương (sinh năm 1934, đã chết vào ngày 26/02/2010). Ông M1 và bà Sương có 10 người con đúng như ông T1 trình bày. Lúc còn sống, ông M1 và bà Sương có tài sản là 13.107m² đất gồm có các thửa đất 1091, 1092, 1093, 1094, 1095, 1096, 1705, cùng thuộc tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp Ngoài, xã PH, huyện CG, tỉnh Long An. Lúc còn sống, mẹ bà có hợp gia đình phân chia đất đai cho các con theo “Giấy cho con được thừa kế ruộng đất” lập ngày 17/8/2009, có photô giao cho mỗi người con 1 bản. Lúc này, mẹ bà bệnh nên không làm hợp đồng tặng cho được. Vài tháng sau, mẹ bà mất. Lúc này, ông M1 và các anh chị em đem “Giấy cho con được thừa kế ruộng đất ngày 17/8/2009” để làm thủ tục chuyển quyền thì không được. Ông M1 và các anh em - có cả ông T1 mới thống nhất đến phòng công chứng làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản để được đứng tên giấy đất. Tại thời điểm này, ông T1 cũng thống nhất, không có ý kiến gì. Sau khi ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 09/10/2010 mới làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất được. Tất cả những người được chia đất theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 09/10/2010 đều đã được Ủy ban nhân dân huyện CG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2016, cha bà làm hợp đồng tặng cho các thửa đất mà ông được nhận từ Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 09/10/2010 cho các con mà không cho T1 nên ông T1 mới khởi kiện.

Bà D1 xác định là “Giấy cho con được thừa kế ruộng đất ngày 17/8/2009” không phải là di chúc, còn Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 09/10/2010

là đúng pháp luật. Bà không đồng ý vô hiệu và không đồng ý hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà T5, bà L2, bà T2, ông D2 thống nhất lời trình bày bà D1 không đồng ý theo yêu cầu của ông T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thu L1, bà Đặng Thị Thanh T4, bà Đặng Thị Thu M2 có ý kiến tại bản tự khai đề ngày 23/5/2018 khẳng định:

Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 09/10/2010 do Phòng công chứng số 2, tỉnh Long An công chứng, số công chứng 13013, quyền số 14TP/CC-SCC/TK là hoàn toàn hợp pháp nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện CG, ông Nguyễn Viết T3, bà Dương Thị Ngọc H1, ông Biện Hữu D3, bà Mai Thị H3, ông Huỳnh Văn X1, ông Chung Văn K1, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu T1 và có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Các bên không thống nhất.

Ngày 01/6/2018, ông Đặng Hữu T1 khởi kiện ra Tòa án.

Ngày 07/6/2018, Tòa án nhân dân huyện CG thụ lý vụ án.

Tòa án hòa giải không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 05/6/2019 Tòa án nhân dân huyện CG đã căn cứ Khoản 3, Khoản 11 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Luật Công chứng năm 2006; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu T1 về việc yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 09/10/2010 của Phòng Công chứng số 2, tỉnh Long An vô hiệu.

2. Bác yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đặng Văn M1, bà Đặng Thị Thu T2, Đặng Hữu D2, Đặng Thị Thanh T4, Đặng Thị Thu T5, Đặng Thị Thu L1, Đặng Thị Mỹ D1, Đặng Thị Thu M2, Đặng Hữu H2, Đặng Thị Thu L2 theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 09/10/2010.

3. Bác yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09/4/2016, số công chứng 5941, quyền số 6TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng CG.

4. Bác yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp căn cứ vào Hợp đồng tặng cho quyền sử

dụng đất ngày 09/4/2016, số công chứng 5941, quyền số 6TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng CG.

5. Về án phí: Ông Đặng Hữu T1 phải chịu 300.000 đồng đối với yêu cầu tuyên bố văn bản phân chia di sản công chứng vô hiệu và phải chịu 300.000 đồng án đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Khấu trừ tạm án phí ông T1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0006130 ngày 19/3/2018 và 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009114 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 06/6/2019, ông Đặng Hữu T1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Án sơ thẩm đã sai lầm khi áp dụng pháp luật. Di chúc hợp pháp nhưng lại chia thừa kế theo pháp luật. Thẩm phán không thu thập đầy đủ chứng cứ là hồ sơ công chứng.

Tại Tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Đặng Hữu T1 vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và không rút yêu cầu kháng cáo. Ông T1 yêu cầu hủy văn bản công chứng về thỏa thuận phân chia di sản và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan. Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ M1 và các con.

Việc thỏa thuận phân chia tài sản khi đã có di chúc là không đúng quy định của pháp luật. Theo ông T1, “Giấy cho con được thừa kế ruộng đất” lập ngày 17/8/2009 của cụ Nguyễn Thị Sương là di chúc. Ngoài ra, việc thỏa thuận chia tài sản lại bỏ sót căn nhà thờ hương hỏa trong khi ông là người sống trong căn nhà này từ nhỏ. Hiện nay các anh chị em của ông xua đuổi ông ra khỏi căn nhà này. Ông T1 thừa nhận có ký vào văn bản thỏa thuận phân chia tài sản nhưng khi đó tinh thần không ổn định do mẹ mới mất. Công chứng viên cũng không giải thích văn bản công chứng cho ông rõ. Việc công chứng đã vi phạm Điều 5 Luật Công chứng năm 2006 và Thông tư số 04 ngày 13/6/2006 hướng dẫn việc công chứng. Cấp sơ thẩm không triệu tập ông Nguyễn Văn Dũng là công chứng viên để làm rõ việc công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Ông đã có khiếu nại việc này nhưng chưa được trả lời.

Đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ M1 và bà T2, ông D2, bà T4, bà T5, bà L1, bà D1, bà M2, ông H2, bà L2 ông yêu cầu vô hiệu là do hợp đồng này cụ M1 bị lừa dối, ép buộc, không tự nguyện. Theo quy định tại Điều 127 Bộ luật Dân sự 2005 phải vô hiệu. Chứng cứ chứng minh là lời trình bày của cụ M1 trong đoạn ghi âm. Thời điểm tặng cho cụ M1 đã lớn tuổi tinh thần không minh mẫn nhưng không có giám định y khoa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các bên đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự vắng mặt có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt đề nghị giải quyết vụ án theo quy định.

Về yêu cầu kháng cáo của ông T1: Văn bản công chứng việc thỏa thuận phân chia tài sản là ý chí tự nguyện thỏa thuận của các thừa kế của bà Sương và là tài sản chung của bà Sương và ông M1. Việc thỏa thuận này cũng phù hợp với biên bản họp gia đình trước đó có sự đồng ý của các anh chị em trong gia đình. Mặt khác, theo quy định của pháp luật trường hợp di chúc không rõ ràng các đồng thừa kế cũng có quyền thỏa thuận phân chia di sản. Hơn nữa, “Giấy cho con được thừa kế ruộng đất” lập ngày 17/8/2009 của bà Nguyễn Thị Sương không phải là di chúc. Văn bản thỏa thuận phù hợp quy định của pháp luật được sự đồng ý của các thừa kế nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng là hợp pháp. Án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T1 là có căn cứ. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T1. Riêng về căn nhà trên đất ông T1 nêu ra tại Tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Nguyên đơn ông Đặng Hữu T1 kháng cáo hợp lệ, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự bị đơn và là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử.

[1.2] Tranh chấp “yêu cầu hủy văn bản công chứng; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là những tranh chấp dân sự theo quy định của Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân huyện CG thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền.

[1.3] Ông T1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử phúc thẩm trong phạm vi kháng cáo.

[2] Về nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Hữu T1.

[2.1] Thứ nhất, yêu cầu “vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” công chứng ngày 09/10/2010 tại Văn phòng công chứng Lê Văn Đá. Lý do ông T1 đưa ra là trước khi mất, bà Nguyễn Thị Sương (mẹ ông) có di chúc định

đoạt tài sản. Việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế trong khi có di chúc định đoạt tài sản là vi phạm khoản 2 Điều 49 Luật Công chứng năm 2006.

[2.1.1] Ông T1 cho rằng “Giấy cho con được thừa kế ruộng đất” lập ngày 17/8/2009 của cụ Sương là di chúc. Tuy nhiên, xét “Giấy cho con được thừa kế ruộng đất” lập ngày 17/8/2009 của bà Nguyễn Thị Sương thấy:

Giấy này tuy viết “làm tờ thừa kế để lại cho các con” nhưng nội dung giấy là “tương phân” quyền sử dụng đất cho các con trong gia đình. Bởi: Sau phần định đoạt quyền sử dụng đất cho 10 người con, nội dung giấy có đoạn ghi “những người con thừa kế trên phải có trách nhiệm chu cấp cho cha mẹ hàng tháng và mỗi lễ giỗ hàng năm khi còn sống. Giấy này gửi cho Ủy ban nhân dân xã PH để chứng thực tờ thừa kế ruộng đất làm chủ quyền cho các con tôi”. Mặt khác, “Giấy cho con được thừa kế ruộng đất” lập ngày 17/8/2009 của cụ Sương được lập trên cơ sở “Biên bản họp gia đình” ngày 09/8/2009 trước đó, có đủ mặt các con và ký tên thống nhất. Theo khoản 1 Điều 643 Bộ luật dân sự 2015 di chúc có hiệu lực từ thời điểm mở thừa kế. Khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Cho nên có thể xác định “Giấy cho con được thừa kế ruộng đất” lập ngày 17/8/2009 của cụ Sương không phải là di chúc. Pháp luật cũng không quy định trong trường hợp có di chúc, các thừa kế không được quyền thỏa thuận phân chia di sản. Ngày 26/02/2010, cụ Sương mất, ngày 09/10/2010 cụ M1 và các thừa kế của cụ Sương trong đó có ông T1 lập “văn bản thỏa thuận phân chia di sản” tại Văn phòng công chứng số 2 Long An – nay là Văn phòng Công chứng Lê Văn Đá. Việc thỏa thuận này không trái luật nên Văn phòng công chứng số 2 tỉnh Long An chứng thực là đúng quy định của pháp luật. Ông T1 thừa nhận có tự nguyện ký tên nhưng cho rằng ông ký mà không xem nội dung là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, ông T1 yêu cầu vô hiệu “văn bản thỏa thuận phân chia di sản” công chứng ngày 09/10/2010 tại Văn phòng công chứng số 2 – nay là Văn phòng công chứng Lê Văn Đá là không có cơ sở.

[2.1.2]. Yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản công chứng ngày 09/10/2010 không có căn cứ nên không có căn cứ hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện CG đã cấp cho cụ M1, bà M2, ông H2, ông D2, bà T4, bà T2, bà T5, bà L1, bà D1, bà L2 cũng như của ông T1.

[2.2] Thứ hai, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 5941, quyển số 6TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/4/2016 của Văn phòng công chứng CG và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Long An đã cấp cho bà T2, ông D2, bà T4, bà T5, bà L1, bà D1, bà M2, bà L2 cùng sử dụng các thửa đất 1091, 1093, 1094, 1096.

[2.2.1] Xét việc cụ Đặng Văn M1 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất theo sự thỏa thuận phân chia di sản sau khi cụ Sương mất là

hợp lệ. Cụ Đặng Văn M1 là người được nhà nước giao quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa 1091, 1093, 1094, 1095 và 1096. Căn cứ Điều 106 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 167 Luật Đất đai năm 2014, cụ M1 được quyền chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất cho bất kỳ ai. Vì thế, việc cụ M1 đã thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09/4/2016, cho quyền sử dụng đất cho bà T2, ông D2, bà T4, bà T5, bà L1, bà D1, bà M2, bà L2 sử dụng các thửa đất 1091, 1093, 1094, 1096 cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã PH, huyện CG, tỉnh Long An là hợp pháp.

[2.2.2] Ông T1 khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho vì cho rằng cụ M1 bị lừa dối, cưỡng ép thể hiện qua nội dung đoạn ghi âm. Tuy nhiên, theo nội dung đoạn băng ghi âm không thể hiện sự “ép buộc” mà chỉ là “độc phách”, “đòi hỏi”. Mặt khác, trường hợp có sự việc lừa dối thì theo Điều 127 Bộ luật dân sự 2015 chỉ có một bên trong giao dịch dân sự mới có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó là vô hiệu. Trong khi chưa có bản án, quyết định xác định cụ M1 mất năng lực hành vi dân sự và ông T1 chưa được xác định là người giám hộ thì ông T1 không có quyền khởi kiện thay cụ M1. Các bên trong quan hệ hợp đồng tặng cho đều có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật dân sự thực hiện ký tên vào hợp đồng tặng cho. Văn phòng công chứng đã có ý kiến trình bày rõ ràng về trình tự, thủ tục và cung cấp đầy đủ hồ sơ công chứng nên việc yêu cầu triệu tập công chứng viên ông Nguyễn Văn Dũng là không cần thiết.

Cấp sơ thẩm nhận định ông T1 không chứng minh được cụ M1 bị lừa dối và người đại diện của cụ M1 không yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho nhưng thụ lý, xem xét yêu cầu này ông T1 là không đúng. Lẽ ra phải trả lại đơn khởi kiện theo điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 hoặc căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này của ông T1. Do đó, cần áp dụng Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T1 về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho giữa cụ M1 với các con với lý do bị lừa dối.

[2.2.3] Do yêu cầu khởi kiện của ông T1 bị đình chỉ nên đình chỉ yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Long An đã cấp cho bà T2, ông D2, bà T4, bà T5, bà L1, bà D1, bà M2, ông H2, bà L2 cùng sử dụng các thửa đất 1091, 1093, 1094, 1096.

[2.2.4] Riêng yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Đặng Văn M1 cho ông Đặng Hữu H2 đối với quyền sử dụng thửa đất 1095, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại xã PH, huyện CG và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất 1095 cấp cho ông Đặng Hữu H2 vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, cấp sơ thẩm không xem xét là có cơ sở.

[2.3] Từ nhận định ở mục [2.1] và mục [2.2] không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Hữu T1, chấp nhận phát biểu của Kiểm sát viên kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Hủy và đình chỉ một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm, theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 ông T1 kháng cáo không được chấp nhận phải chịu, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả cho ông T1 tiền tạm ứng án phí phần yêu cầu bị hủy và đình chỉ.

[4] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm giữ nguyên có hiệu lực.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 308, Điều 311, Điều 293 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Hữu T1.

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện CG.

Căn cứ Khoản 3, Khoản 11 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 217, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Căn cứ Luật Công chứng năm 2006; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu T1 về việc yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 09/10/2010 của Phòng công chứng số 2, tỉnh Long An vô hiệu.

2. Bác yêu cầu của ông Đặng Hữu T1 về việc hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Đặng Văn M1, bà Đặng Thị Thu T2, Đặng Hữu D2, Đặng Thị Thanh T4, Đặng Thị Thu T5, Đặng Thị Thu L1, Đặng Thị Mỹ D1, Đặng Thị Thu M2, Đặng Hữu H2, Đặng Thị Thu L2 theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 09/10/2010.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu T1 về việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09/4/2016, số công chứng 5941, quyển số 6TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng CG giữa cụ Đặng Văn M1 với bà Đặng Thị Thu T2, Đặng Hữu D2, Đặng Thị Thanh T4, Đặng Thị Thu T5, Đặng Thị Thu L1, Đặng Thị Mỹ D1, Đặng Thị Thu M2, Đặng Thị Thu L2.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu T1 về việc hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp bà Đặng Thị Thu T2, Đặng Hữu D2, Đặng Thị Thanh T4, Đặng Thị Thu T5, Đặng Thị Thu L1, Đặng Thị Mỹ D1, Đặng Thị Thu M2, Đặng Thị Thu L2 căn cứ vào

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09/4/2016, số công chứng 5941, quyền số 6TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng CG.

5. Về án phí: Ông Đặng Hữu T1 phải chịu 300.000 đồng đối với yêu cầu tuyên bố văn bản phân chia di sản công chứng vô hiệu, khấu trừ tạm án phí ông T1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0006130 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện CG.

Hoàn trả cho ông Đặng Hữu T1 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009114 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện CG.

Ông Đặng Hữu T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đ đã tạm nộp theo biên lai thu số 0003434 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện CG.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện CG;
- TAND huyện CG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quán

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Minh Trí – Trần Văn Khánh

Trần Văn Quán